

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1174~~ /QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~04~~ tháng ~~4~~ năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải dưới hình thức “Bản sao y bản chính” theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành (*Phụ lục 1*) và sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực đường thủy nội địa (*Phụ lục 2*) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định dưới hình thức “Bản sao y bản chính” theo Quyết định số 416/QĐ-BGTVT ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo, TT Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, K2.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu



PHỤ LỤC 1
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG
PHẠM VI CÔNG NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
*(Kèm theo Quyết định số **1174** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **4** năm 2017*
của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.	Sở Giao thông vận tải

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục: Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu dự học, thi lấy GCNKNCM, kiểm tra lấy CCCM nộp hồ sơ đến cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề).

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức thi, kiểm tra, ra quyết định công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, CCCM nghiệp vụ và chứng chỉ an toàn cơ bản cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra.

- Cá nhân khi dự thi, dự kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu..

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải, cơ sở dạy nghề;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng Hạng ba: 170.000 đồng/lần
- Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng ba: 140.000 đồng/lần
- Lệ phí: 50.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- a) Điều kiện chung:
 - Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.
 - Hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại các khoản 9, 11 và khoản 13 Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT).

- Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

b) Điều kiện cụ thể

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ thủy thủ hạng nhất, hạng nhì; chứng chỉ thợ máy hạng nhất, hạng nhì: đủ 16 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, hạng nhì: đủ 18 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư: có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc bằng thuyền trưởng hạng ba chương trình hạn chế hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba;

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo nghề điều khiển tàu thủy, nghề thủy thủ, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì, có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba;

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề máy tàu thủy, nghề thợ máy, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;
- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn đề nghị

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp không
quá
06 tháng^(*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên tôi là:.....; Quốc tịch.....; Nam (Nữ)

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):.....do..... cấp ngày:.....tháng.....năm.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:....., Trường:....., đã được cấp bằng,
GCNKNCM, CCCM số:.....ngày.....tháng.....năm..... theo Quyết định số:.....,
ngày.....tháng.....năm.....của.....

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

TỪ.....ĐẾN.....	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ PTTNĐ	GHI CHÚ

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

+ Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: ☐

+ Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: ☐

+ Cấp GCNKNCM, CCCM: ☐

+ Cấp lại GCNKNCM, CCCM: ☐

+ Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: ☐

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp).....cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp,
cấp lại, chuyển đổi:.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày.....tháng.....năm....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 2
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
*(Kèm theo Quyết định số **1174** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **4** năm 2017*
của Chủ tịch UBND tỉnh)



PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Số seri được sửa đổi	Cơ quan thực hiện
1	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải	T-BDI-280992-TT	Sở Giao thông vận tải

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục: Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng

chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000 đồng/lần;

- Lệ phí cấp, chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Cấp GCNKNCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:

+ Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

+ Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề

- Cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề máy tàu thủy;

+ Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.

b) Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.
- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:
 - + Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;
 - + Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;
 - + Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.
- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:
 - + Người có GCNKNCM trong thời hạn 03 tháng trước khi GCNKNCM hết hạn hoặc quá thời hạn sử dụng 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;
 - + Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;
 - + Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;
 - + Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.
- Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.
- Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.
- GCNKNCM, CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.
- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c) Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng được cấp trước ngày 01/01/2015 thì tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp được cấp lại như sau:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba;

+ Người có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương

ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng năm đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với lái phương tiện hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50

GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải dự kiểm tra môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;

+ Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường

thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Mẫu: Đơn đề nghị

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp không
quá
06 tháng^(*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên tôi là:.....; Quốc tịch.....; Nam (Nữ)

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):.....do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:....., Trường:....., đã được cấp bằng,
GCNKNCM, CCCM số:.....ngày.....tháng.....năm..... theo Quyết định số:.....,
ngày.....tháng.....năm.....của.....

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

TỪ.....ĐẾN.....	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ PTTNĐ	GHI CHÚ

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

- + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: ☐
- + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: ☐
- + Cấp GCNKNCM, CCCM: ☐
- + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: ☐
- + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: ☐

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp).....cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ và tên)

^(*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng.